

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2022
V/v: Tranh chấp Hôn N và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Vũ Mạnh Cường
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án Nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án Nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án nhân dân sự thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn N và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có mặt, anh N xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức N kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh N còn cháu P đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và nhất trí giao cháu T cho anh N được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022 bị đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2019 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa. Nay chị Đ xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh theo đạo Thiên chúa nên anh không bỏ vợ bỏ con.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh còn cháu P đang ở cùng chị Đ. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh N không yêu cầu giải quyết.

3, *Nguyện vọng của cháu Nguyễn Nhật T:* Cháu T đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phượng Vũ ngày 26/5/2022 được đại diện chính quyền địa P cung cấp:* Chị Đ và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị Đ về chung sống cùng anh N tại khu C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N mâu thuẫn là do tự anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ năm 2019 đến nay chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, không quay về chung sống cùng anh N nữa, anh chị không ai còn quan tâm đến ai, cuộc sống hôn N thực tế không còn tồn tại từ năm 2019 đến nay. Anh chị có hai con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh N còn cháu P đang ở cùng chị Đ. Nay chị Đ xin ly hôn anh N, quan điểm của địa P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn N và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục. Giao con chung chĩa thành niên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Đ, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ, anh N không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn N và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh N xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn N: Cuộc hôn N giữa chị Đ và anh N là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị Đ cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Phía anh N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không hợp nhau, không bao ban được nhau nên chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2019 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa. Nay chị Đ xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh theo đạo Thiên chúa nên anh không bỏ vợ bỏ con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh N đến Tòa án để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, mặc dù biết rõ việc chị Đ xin ly hôn nhưng anh N cho rằng anh còn bận đi làm và do anh không đồng ý ly hôn nên anh không đến Tòa án làm việc, anh đề nghị Tòa án không báo anh đến làm việc. Như vậy thể hiện việc anh N không muốn ly hôn là không thực tâm, khả năng đoàn tụ là khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài chỉ gây nên đau khổ cho cả hai bên, anh chị chung sống không đem lại hạnh phúc và tình yêu thương không có. Ngày 26/5/2022 Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh tại UBND xã P về quan hệ hôn N của chị Đ và anh N được đại diện chính quyền địa P cung cấp quá trình chung sống chị Đ, anh N hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N mâu thuẫn là do tự anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ năm 2019 đến nay chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, không quay về chung sống cùng anh N nữa, anh chị không ai còn quan tâm đến ai, cuộc sống hôn N thực tế không còn tồn tại từ năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn anh N là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ anh N có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016. Khi ly hôn chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và nhất trí giao cháu T cho anh N được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Phía anh N đề nghị nếu vợ chồng ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc

giao con cho ai phải căn cứ vào tình cảm và điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành. Nguyên vọng của cháu Tiến xin được ở với anh N, còn cháu P là con gái còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh N, cháu P đang ở cùng chị Đ. Để ổn định chỗ ăn, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu Tiến cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu P cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn N và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung ch□a thành niên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/7/2012 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Đ, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007843 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án nhân dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án nhân dân sự thì người được thi hành án nhân dân sự, người phải thi hành án nhân dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án nhân dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án nhân dân sự

Về quyền kháng cáo: Chị Đ có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án nhân dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 20 tháng 6 năm 2022.

Tại: Phòng nghị án Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Vũ Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Sâm.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn N và gia đình thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn N và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Cây Lụ, xã Phụng Ví, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu Cây Lụ, xã Phụng Ví, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có mặt, anh N xin giải quyết vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn N và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà P, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Nhật Tiến, sinh ngày 13/7/2012 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Tiến thành niên (đủ 18

tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Đ, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007843 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án nhân dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Tuy Lộc;
- Thi hành án nhân dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Tuy Lộc;
- Thi hành án nhân dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền